

Bản án số: 335/2020/HC-PT
Ngày: 31 - 7 - 2020
V/v Khiếu kiện quyết định
hành chính trong lĩnh vực quản lý
đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Ba

Các Thẩm phán: Ông Tô Chánh Trung

Bà Trần Thị Thúy Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Tiểu Phương Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 318/2019/TLPT-HC ngày 17 tháng 4 năm 2019 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2019/HC- ST ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1317/2020/QĐ-PT ngày 10 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Ngô Văn T, sinh năm 1964 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp x, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Văn V, sinh năm 1957 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 1x/2xC đường L, phường x, thành phố T, tỉnh Long An.

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Kim T, Phó Chủ tịch Ủy ban

nhân dân huyện T (Vắng mặt).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Bà Trương Thị H, sinh năm 1961. Địa chỉ: Ấp x, xã T, huyện T, tỉnh Long An (Có mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Trương Thị H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại đơn khởi kiện và phần trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, ông Võ Văn V người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Ông Ngô Văn T yêu cầu hủy Quyết định số 273/QĐ-UBND ngày 06/02/2018 của Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) huyện T về việc thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai.

Lý do khởi kiện:

Nội dung của Quyết định số 273/QĐ-UBND thu hồi 150,1m² đất thủy lợi tọa lạc tại ấp X, xã T vì cho rằng ông T lấn chiếm để trồng cây, xây dựng hàng rào là không đúng. Vì nguồn gốc đất là của ông nội ông T đào mương để sản xuất nông nghiệp từ năm 1960, đến năm 1975 giao lại cho cha ông là Ngô Văn Đ, năm 1991 ông Đ để lại cho ông T. Do mương này không sử dụng để dẫn nước nên năm 1992 ông đã lấp mương, không ai tranh chấp. Năm 2016 ông xây dựng hàng rào kiên cố thì xảy ra tranh chấp với bà Trương Thị H, bà Trương Thị H khiếu nại nên UBND huyện T mới ban hành Quyết định số 273/QĐ-UBND ngày 06/02/2018 thu hồi phần đất này của ông T. Trước đây năm 1997 ông T đã đi kê khai để đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bao gồm cả phần đất này, tuy nhiên nay mới phát hiện ra phần đất này không được cấp trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T. Ông T xác định đây không phải là đất thủy lợi mà là mương nước do gia đình ông T đào và sử dụng ổn định từ trước đến nay.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Võ Văn V đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện xác định việc UBND huyện T áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 64 Luật đất đai là không đúng. Bởi lẽ, con rạch do gia đình ông T đào để phục vụ tưới tiêu sản xuất cho gia đình ông T chứ không phải là kênh do nhà nước đào để xác định là đất thủy lợi của nhà nước. Việc thu hồi đất ông T là không đúng vì ông T lấp và sử dụng mương này từ trước năm 1993, lúc này bà Trương Thị H không tranh chấp. Khi ông T xây hàng rào thì bà Trương Thị H mới tranh chấp và khiếu nại. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn T hủy Quyết định số 273/QĐ-UBND ngày 06/02/2018 của UBND huyện T.

Người bị kiện UBND huyện T có văn bản số 678/UBND-NC ngày 02/5/2018 trình bày ý kiến:

Năm 2016, UBND huyện T nhận được đơn kiến nghị của bà Trương Thị H với nội dung buộc ông T tháo dỡ hàng rào xây dựng chiếm dụng trên phần đất đường nước công cộng và yêu cầu trả lại đường nước công cộng chiều ngang 3m theo hiện trạng trước đây để gia đình bà được sử dụng tưới tiêu canh tác, sinh hoạt. Theo nội dung kiến nghị, UBND huyện T đã tiến hành kiểm tra hồ sơ và xác minh, kết quả như sau: Đường nước có từ trước năm 1975 để tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp, việc đi lại bằng xuồng cho gia đình ông T và bà Trương Thị H và các hộ dân trong khu vực. Năm 1977 Nhà nước thi công tỉnh lộ 49 đường nước trên bị cắt làm hai, đoạn phía bắc chiều dài khoảng 100m phục vụ cho việc sinh hoạt của hộ ông T và bà Trương Thị H. Mặt khác, theo bản đồ địa chính năm 1997, ông T có đăng ký kê khai và được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm 07 thửa, còn phần phía đông các thửa đất là kênh thủy lợi nên không cấp giấy cho ông T mà do UBND xã Tân Đông quản lý theo Khoản 2 Điều 8 của Luật đất đai năm 2013.

Trong quá trình sử dụng, ông T đã tự ý lấn chiếm một phần kênh với diện tích 150,1m² ngang 1,9m dài 79m. Đồng thời trong năm 2016, ông T đã xây dựng hàng rào kiên cố bằng gạch khi chưa được cấp có thẩm quyền cho phép. Hành vi trên đã vi phạm Khoản 1 Điều 12 Luật đất đai năm 2013. Do đó, UBND huyện T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Trương Thị H trình bày ý kiến:

Bà Trương Thị H không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T, đề nghị Tòa án giữ nguyên Quyết định số 273/QĐ-UBND ngày 06/02/2018 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai. Vì ông T đã lấn chiếm phần kênh công cộng để xây dựng hàng rào, phần kênh này được gia đình bà sử dụng thoát nước để chăn nuôi.

Bà Trương Thị H xác định diện tích 150,1m² đất mà UBND huyện T thu hồi của ông T là đường thoát nước công cộng của nhà nước. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn T.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2019/HC-ST ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã quyết định:

Căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 10, Điều 11, Điều 64 và Điều 157 Luật đất đai; Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn T về việc hủy Quyết định số 273/QĐ-UBND ngày 06/02/2018 của Ủy ban nhân dân huyện T.

Tuyên hủy Quyết định số 273/QĐ-UBND ngày 06/02/2018 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai.

Ủy ban nhân dân huyện T có trách nhiệm thực hiện đúng công vụ quy định về quản lý nhà nước về đất đai theo Luật đất đai.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, án phí hành chính sơ thẩm, quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 31/01/2019 bà Trương Thị H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm nêu trên, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, yêu cầu người có thẩm quyền thực hiện hành vi hành chính theo đúng pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Tại đơn kháng cáo và trước phiên tòa phúc thẩm hôm nay, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị H đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Long An, yêu cầu người có thẩm quyền thực hiện hành vi hành chính theo đúng pháp luật.

Người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện thống nhất đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà Trương Thị H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh trình bày quan điểm:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật Tố tụng hành chính. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Trương Thị H kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị H và giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có tại hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Tòa án đã triệu tập họp lệ lần thứ hai, người bị kiện vắng mặt. Căn cứ Khoản 2 Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt người bị kiện.

[2] Người khởi kiện ông Ngô Văn T khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 273/QĐ- UBND ngày 06/02/2018 của Ủy ban nhân dân huyện T tỉnh Long An về việc thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai. Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T. Bà Trương Thị H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, kháng cáo cho rằng ông T đã lấn chiếm phần kênh công cộng để xây dựng hàng rào, phần kênh này đã được gia đình bà sử dụng thoát nước để chăn nuôi, bà Trương Thị H xác định diện tích 150,1m² đất mà UBND huyện T thu hồi của ông T là đường thoát nước công cộng của nhà nước, nên đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của ông T. Xét kháng cáo của bà Trương Thị H, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về thẩm quyền và trình tự ban hành Quyết định 273/QĐ-UBND ngày 06/02/2018 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc thu hồi phần đất là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 66 Luật Đất đai năm 2013. Trước khi ban hành Quyết định 273/QĐ-UBND, Ủy ban nhân dân huyện T căn cứ trên cơ sở xác minh và đề nghị của Phòng tài nguyên môi trường Thạnh Hóa là đảm bảo về trình tự ban hành theo quy định tại khoản 2 Điều 64 Luật Đất đai năm 2013.

[2.2] Về nội dung: Về nguồn gốc, quá trình và hiện trạng sử dụng kênh thoát nước tọa lạc tại Ấp x, xã T, huyện T đều được các đương sự thừa nhận có từ trước năm 1975. Ông T cho rằng đường nước này do ông nội của ông là Ngô Văn S đào sử dụng, đến năm 1975 để lại cho cha ông là Ngô Văn Đ, đến năm 1991 ông Đ để lại cho con là ông Ngô Văn T. Sau khi làm đường tỉnh lộ 49 cắt ngang thì không còn sử dụng, năm 1992 ông T đã lấp kênh để trồng lúa, nuôi cá, năm 2014 thì xây dựng hàng rào kiên cố. Còn phía UBND huyện T và bà Trương Thị H cho rằng đây là đường nước công cộng.

[2.3] Phòng Tài nguyên và môi trường huyện Thạnh Hóa, tại báo cáo số 50/BC-PTNMT ngày 21/4/2017 xác định đường thoát nước chung do ông Ngô Văn S đào từ những năm 1960 để tưới tiêu nước, phục vụ sản xuất nông nghiệp. Việc đi lại bằng xuồng. Do con đường thoát nước không còn sử dụng cho việc tưới tiêu trong sản xuất nông nghiệp, năm 1992-1993 ông Ngô Văn T đã lấp một phần (đoạn phía bắc). Đến năm 1999 ông T tiếp tục san lấp phần còn lại, tại thời điểm này không có tranh chấp xảy ra. Đến tháng 9/2015 ông T có dựng hàng rào trên phần đất san lấp bằng trụ bê tông và kéo lưới B40 trên nề hàng rào cũ thì xảy ra tranh chấp. Điều này chứng tỏ đường nước do ông Ngô Văn S là ông nội ông T đào chứ không phải là kênh công cộng do nhà nước đào và đường thoát nước này đã không còn sử dụng chung và ông T đã sử dụng ổn định, liên tục từ năm 1992-1993 đến nay bằng việc lấp dần và xây dựng hàng rào vào năm 2016 và không bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý.

[2.4] Bà Trương Thị H tại biên bản xác minh ngày 11/5/2016 của phòng

Tài nguyên môi trường Thạnh Hóa và đơn khiếu nại ngày 21/01/2016 thừa nhận nguồn gốc và quá trình sử dụng đường nước như trên và có thương lượng với ông T chia đôi rạch nhưng ông T không đồng ý. Như vậy diện tích đất tranh chấp 150,1m² ông T chỉ sử dụng làm hàng rào chỉ là một đường nước sử dụng cho hai hộ ông T và bà Trương Thị H, không phải là kênh công cộng do nhà nước quản lý hay đất quy hoạch thủy lợi như nhận định của UBND huyện T để ban hành Quyết định 273/QĐ-UBND ngày 06/02/2018.

[2.5] Các đương sự thống nhất trình bày đường nước này trước đây rộng 03 mét nhưng Quyết định 273/QĐ-UBND cho rằng ông T lấn chiếm chiều ngang rộng 1,9m tính đến hàng rào mà ông T xây dựng, phần còn lại 1,1m của kênh là phần đất tính từ hàng rào ông T xây dựng về phía đất của bà Trương Thị H, bà Trương Thị H vẫn đang sử dụng trồng cây nhưng không cho là vi phạm là không công bằng, khách quan.

[2.6] Ủy ban nhân dân huyện T cho rằng phần đất ông T xây dựng hàng rào là đất thủy lợi là do căn cứ vào bản đồ địa chính năm 1997 và căn cứ vào diện tích đất này chưa được cấp quyền sử dụng đất cho ai để xác định đây là đất công, cũng không có tài liệu chứng cứ nào thể hiện đường nước do ông nội của ông T đào cũng như diện tích 150,1m² đất ông T sử dụng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao cho UBND xã Tân Đông quản lý bằng một quyết định hành chính. UBND huyện T cũng không có tài liệu, chứng cứ thể hiện diện tích đất thủy lợi là bao nhiêu mà chỉ xác định diện tích đất ông T sử dụng là 150,1m² là đất thủy lợi là chưa có căn cứ xác đáng. Do đó UBND huyện T xác định ông T có hành vi lấn chiếm đất thủy lợi là không có căn cứ, nên Quyết định 273/QĐ-UBND ngày 06/02/2018 của UBND huyện T thu hồi đất đối với ông Ngô Văn T là trái quy định pháp luật. Vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T hủy Quyết định số 273/QĐ-UBND ngày 06/02/2018 của UBND huyện T là có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị H, và giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm: bà Trương Thị H phải chịu theo quy định của pháp luật án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Bác kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị H và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính; Điều 10, Điều 11, Điều 64 và Điều 157 Luật đất đai.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn T về việc hủy Quyết định số 273/QĐ-UBND ngày 06/02/2018 của Ủy ban nhân dân huyện T.

Tuyên hủy Quyết định số 273/QĐ-UBND ngày 06/02/2018 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai.

Ủy ban nhân dân huyện T có trách nhiệm thực hiện đúng công vụ quy định về quản lý nhà nước về đất đai theo Luật đất đai.

2. Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Án phí hành chính phúc thẩm: bà Trương Thị H phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, tạm nộp án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0000274 ngày 25/02/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Long An.

4. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSNDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- TAND tỉnh Long An (1);
- VKSND tỉnh Long An (1);
- Cục THADS tỉnh Long An (1);
- Các đương sự (4);
- Lưu: hồ sơ (1), VP(3), 14b (TPQ);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Ba